

TỔNG QUAN**Bộ Tài chính thông báo kế hoạch phát hành 400.000 tỷ đồng TPCP trong năm 2024 qua KBNN, trong đó, quý I phát hành 127.000 tỷ đồng.**

Năm 2023, KBNN đã huy động thành công 298.476 tỷ đồng TPCP, đạt 98% kế hoạch điều chỉnh của Bộ Tài chính giao cho KBNN (305.000 tỷ đồng) và tăng 39% so với năm 2022. Kỳ hạn phát hành TPCP bình quân là 12,58 năm, vượt mục tiêu kỳ hạn phát hành bình quân 9 - 11 năm do Quốc hội đề ra trong Nghị quyết số 23/2021/QH15. Kỳ hạn còn lại bình quân danh mục TPCP là 9,05 năm. Kỳ hạn phát hành tập trung từ 5 năm trở lên để tiếp tục cơ cấu lại danh mục TPCP theo hướng kéo dài kỳ hạn, giảm áp lực trả nợ ngắn hạn và chi phí vay vốn, góp phần cơ cấu lại nợ công an toàn, bền vững. Lãi suất phát hành TPCP bình quân năm 2023 là 3,21%/năm, giảm 0,27% so với bình quân năm 2022 (3,48%/năm). Tổng khối lượng thanh toán TPCP là 184.588 tỷ đồng, trong đó gốc là 100.966 tỷ đồng, lãi là 83.622 tỷ đồng. Trong năm 2023, TPCP bảo lãnh đã phát hành được 21.250 tỷ đồng.

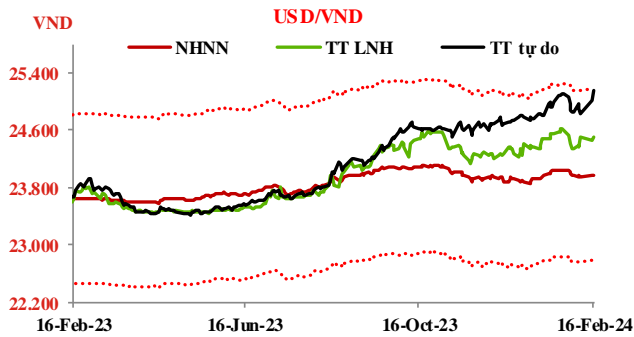
Sang năm 2024, KBNN cho biết, kế hoạch đấu thầu TPCP qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội là 400.000 tỷ đồng (bao gồm cả khối lượng phát hành cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam). Lượng TPCP đáo hạn trong cả năm 2024 là 72.000 tỷ đồng. Trong công văn mới đây về việc tổ chức điều hành NSNN và NSTW, Bộ Tài chính yêu cầu KBNN chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính ngân hàng tổ chức thực hiện phát hành TPCP trên thị trường cho nhu cầu vay trong nước khoảng 127.000 tỷ đồng (bao gồm cả huy động cho BHXHVN) trong quý I/2024. Việc huy động vốn sẽ tiếp tục được tập trung vào kỳ hạn dài từ 5 năm trở lên, đáp ứng mục tiêu kỳ hạn phát hành bình quân TPCP đạt từ 9 - 11 năm.

Có thể dự báo, hoạt động phát hành TPCP trong năm 2024 sẽ chịu nhiều yếu tố tác động. Cụ thể, các yếu tố CSTT trên trường quốc tế cơ bản sẽ thuận lợi, theo đó áp lực tỷ giá sẽ suy giảm trong năm nay. Trong nước, lạm phát cũng trong tầm mục tiêu. Như vậy, trạng thái CSTT hiện nay của NHNN nhiều khả năng sẽ tiếp tục được duy trì trong năm 2024 nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tạo thuận lợi cho các tổ chức kinh doanh TPCP. Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ từ môi trường lãi suất thấp, lợi suất TPCP có thể sẽ tiếp tục xu hướng dò đáy ít nhất trong nửa đầu năm 2024, sau đó tăng giảm đan xen ở nửa sau khi thị trường sôi động trở lại do các yếu tố tín dụng hay giải ngân đầu tư công được cải thiện.

Theo thông tin tổng hợp từ HNX, khối lượng huy động TPCP từ đầu năm đến ngày 31/01/2024 là 16.502 tỷ đồng với kỳ hạn phát hành bình quân là 13,35 năm; lãi suất phát hành bình quân là 2,19%/năm.

Cập nhật văn bản mới liên quan đến phát hành TPCP, ngày 29/11/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 83/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán. Nghị định này hiệu lực thi hành từ 15/01/2024. Theo Nghị định này, khi phát hành riêng lẻ TPCP, KBNN có thể chọn các NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lý, thay vì bán trực tiếp và thanh toán cho người mua như trước đây. Các NHTM muốn trở thành đại lý bán TPCP phải đáp ứng các điều kiện là các NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; phải có chức năng cung cấp dịch vụ đại lý phát hành TP theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của NHNN; phải có mạng lưới hoạt động đáp ứng việc phân phối và thanh toán TPCP; phải có phương án tổ chức phân phối và thanh toán TPCP đáp ứng được yêu cầu của KBNN đối với mỗi đợt phát hành. Theo lãnh đạo KBNN, việc quay lại phương thức bán TPCP riêng lẻ là nhằm triển khai thực hiện trong những trường hợp cấp bách cần huy động nguồn lực toàn dân, bán lẻ trực tiếp đến các đối tượng doanh nghiệp và cá nhân.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong 05 ngày làm việc từ 05/02 - 16/02, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng – giảm đan xen qua các phiên. Chốt ngày 16/02, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.971 VND/USD, tăng 15 đồng so với phiên cuối tuần trước đó 02/02. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.119 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

Tỷ giá LNH biến động theo xu hướng tăng trong 5 phiên làm việc trước và sau kỳ nghỉ lễ. Kết thúc phiên 16/02, tỷ giá LNH đóng cửa tại 24.520 VND/USD, tăng 80 đồng so với phiên 02/02.

Tỷ giá trên thị trường tự do tăng trong dịp trước và sau Tết Nguyên đán. Chốt phiên 16/02, tỷ giá tự do tăng 145 đồng ở chiều mua vào và 185 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 24.950 VND/USD và 25.050 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	1.14	-0.27	5.19	0.02	3Y	1.23	0.037
1W	1.38	-0.33	5.29	0.01	5Y	1.43	0.008
2W	1.52	-0.32	5.33	0.01	7Y	1.82	-0.012
1M	1.96	0.05	5.40	0.00	10Y	2.31	0.013
2M	2.54	-0.09	5.50	0.03	15Y	2.53	0.011
3M	2.80	0.00	5.56	0.00			
6M	4.36	0.03	5.60	-0.01			
9M	4.78	-0.10	5.68	0.00			
1Y	5.25	-0.12	5.74	0.00			

Trong 05 ngày làm việc từ 05/02 - 16/02, lãi suất VND LNH tăng mạnh ở 3 phiên trước Tết rồi giảm trở lại 2 phiên sau Tết ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 16/02, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 1,14% (-0,27 đpt); 1W 1,38% (-0,33 đpt); 2W 1,52% (-0,32 đpt); 1M 1,96% (+0,05 đpt).

Lãi suất USD LNH tăng – giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 16/02, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,19% (+0,02); 1W 5,29% (+0,01 đpt); 2W 5,33% (+0,01 đpt) và 1M 5,40% (không thay đổi).

• **Thị trường mở**

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN từ 05/02 đến 16/02/2024

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghiệp vụ cầm cố	5.000	-	2.28	2.28	0.00
Nghiệp vụ mua bán tín phiếu NHNN	0	-	-	-	0.00
Tổng cộng				2.28	

Trên thị trường mở qua 05 ngày làm việc từ 05/02 - 16/02, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày, với khối lượng là 5.000 tỷ VND, lãi suất đều ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 2,28 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy NHNN hút ròng 2,28 tỷ đồng từ thị trường.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN trong tuần qua. Không còn tín phiếu lưu hành trên thị trường.

• **Thị trường trái phiếu chính phủ:**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp:

Ngày 07/02, KBNN huy động thành công 7.670 tỷ đồng/8.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu. Tỷ lệ trúng thầu là 96%. Trong đó, các kỳ hạn 5Y, 10Y và 15Y huy động được toàn bộ lượng TPCP gọi thầu, lần lượt là 2.000 tỷ đồng, 3.000 tỷ đồng và 2.500 tỷ đồng; kỳ hạn 20Y huy động được 170 tỷ đồng/500 tỷ đồng gọi thầu. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5Y là 1,40% (+0,01 đpt so với phiên đấu thầu trước), 10Y 2,29% (+0,01 đpt), 15Y 2,49% (+0,01 đpt) và 20Y 2,65% (không đổi).

Trong tuần này, ngày 21/02, KBNN chào thầu 8.000 tỷ đồng TPCP, trong đó kỳ hạn 5Y chào thầu 2.000 tỷ đồng, 10Y chào thầu 3.000 tỷ đồng, 15Y chào thầu 2.500 tỷ đồng và kỳ hạn 30Y chào thầu 500 tỷ đồng.

Thị trường TPCP sơ cấp

Đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	7-Feb-24	5	2000	2000	1.40%	0.01%	100%	1.80	4.00
MOF	7-Feb-24	10	3000	3000	2.29%	0.01%	100%	3.72	11.00
MOF	7-Feb-24	15	2500	2500	2.49%	0.01%	100%	1.62	5.00
MOF	7-Feb-24	20	500	170	2.65%	0.00%	34%	0.54	2.00
Tổng			8000	7670			96%	2.38	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp trong 05 ngày làm việc từ 05/02 – 16/02 đạt trung bình 4.421 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh so với mức 13.266 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
5/Feb/24	-	754	1,952	2,752	5,459	5/Feb/24	1,419	-	-	-	1,419
6/Feb/24	-	201	704	1,342	2,247	6/Feb/24	2,307	-	-	-	2,307
7/Feb/24	-	-	-	64	64	7/Feb/24	2,398	-	-	-	2,398
15/Feb/24	-	-	231	601	832	15/Feb/24	1,045	-	-	-	1,045
16/Feb/24	105	-	208	600	913	16/Feb/24	5,418	-	-	-	5,418
Tổng	105	955	3,096	5,359	9,515	Tổng	12,588	-	-	-	12,588
+_WoW	(2,423)	(2,134)	(12,993)	(16,879)	(34,430)	+_WoW	(4,535)				(9,796)
% WoW	-96%	-69%	-81%	-76%	-78%	% WoW	-26%	-100%			-44%
Tỷ trọng	1%	10%	33%	56%	100%	Tỷ trọng	100%	0%	0%	0%	100%

Dvt: Tỷ đồng

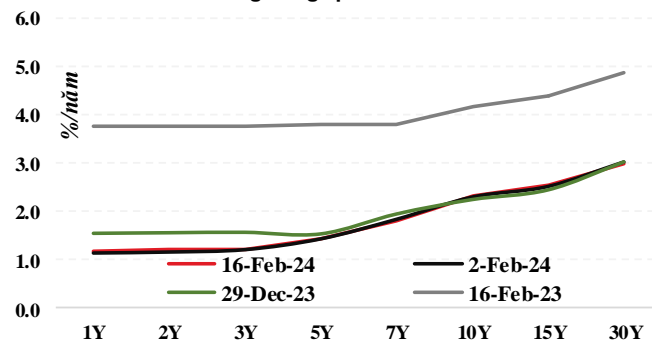
Dvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP trong 05 ngày làm việc từ 05/02 – 16/02 biến động giảm nhẹ ở 3 phiên trước Tết sau đó tăng mạnh trở lại vào 2 phiên sau Tết đối với hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 16/02, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1Y 1,17% (+0,05 đpt); 2Y 1,20% (+0,05 đpt); 3Y 1,23% (+0,04 đpt); 5Y 1,43% (+0,01 đpt); 7Y 1,82% (-0,01 đpt); 10Y 2,31% (+0,01 đpt); 15Y 2,53% (+0,01 đpt); 30Y 3,0% (-0,04 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

%/năm	1Y	2Y	3Y	5Y	7Y	10Y	15Y	30Y
16-Feb-24	1.17	1.20	1.23	1.43	1.82	2.31	2.53	3.00
So WoW	0.05	0.05	0.04	0.01	-0.01	0.01	0.01	-0.04
So YoY	-2.59	-2.55	-2.54	-2.37	-1.98	-1.87	-1.84	-1.89
So YTD	-0.38	-0.36	-0.34	-0.106	-0.12	0.07	0.10	-0.01

Đường cong lợi suất TPCP



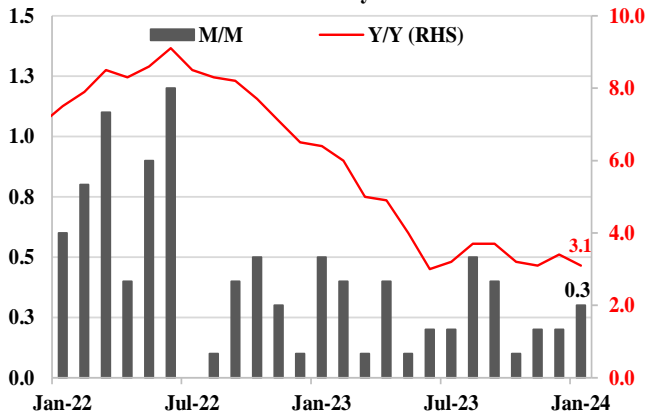
Thị trường chứng khoán

	16/02/24	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm		1209.70	233.04	90.06
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		3.17%	1.08%	1.91%
<i>thay đổi so với đầu năm</i>		7.06%	0.87%	3.47%
KLGD/phiên (tr.đ.v)		845.68	62.61	0.03
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		20.35%	-7.44%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)		18822.79	1239.76	0.0004
<i>thay đổi so với tuần trước</i>		-8.90%	-30.70%	-69.79%
BTNN mua/bán ròng (tỷ đ)		(658.46)	(62.32)	0.002

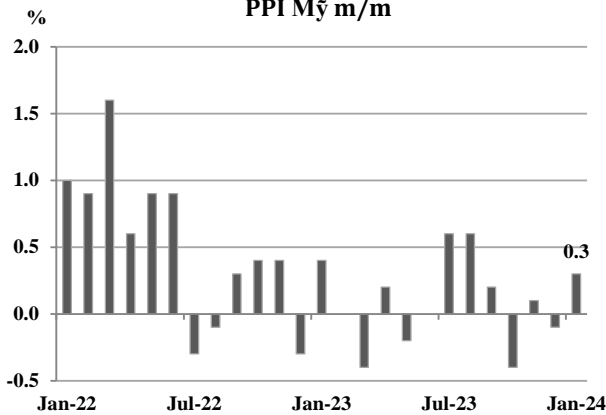
Trong 05 ngày làm việc từ 05/02 - 16/02, thị trường chứng khoán diễn biến tích cực với sự tăng điểm trên cả 3 sàn giao dịch. Chốt phiên 16/02, VN-Index đứng ở mức 1.209,70 điểm, tăng mạnh 37,15 điểm (+3,17%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index tăng 2,48 điểm (+1,08%) lên mức 233,04 điểm; UPCOM-Index tăng 1,69 điểm (+1,91%) lên 90,06 điểm.

Thanh khoản thị trường ở mức trung bình tuy tăng khá so với tuần trước đó với giá trị giao dịch tăng lên 20.100 tỷ đồng/phiên từ mức 18.600 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 720 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

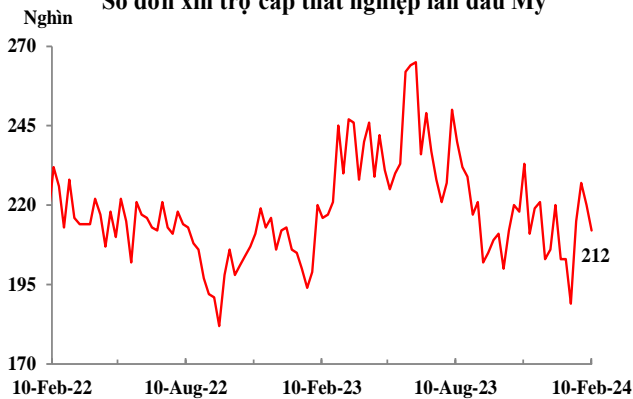
CPI Mỹ



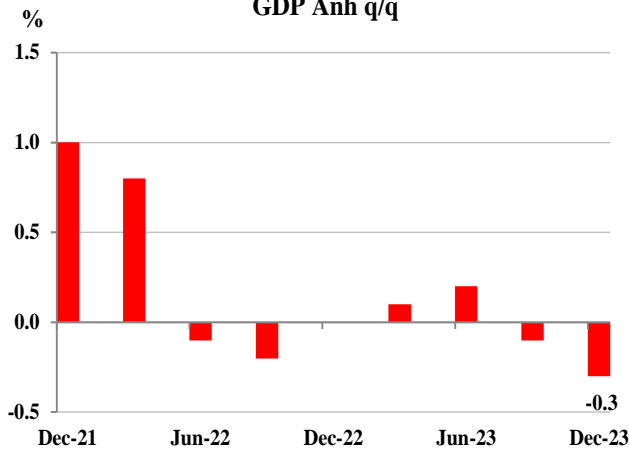
PPI Mỹ m/m



Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu Mỹ



GDP Anh q/q



Nước Mỹ ghi nhận nhiều chỉ báo kinh tế đáng chú ý trong tuần qua.

Đầu tiên, Văn phòng Thống kê Mỹ công bố chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 0,3% và 0,4% m/m trong tháng 1 sau khi cùng tăng 0,3% ở tháng trước đó, đều lớn hơn so với mức tăng 0,2% và 0,3% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2023, CPI toàn phần tăng 3,1% y/y trong tháng 1, thấp hơn so với mức 3,4% ghi nhận ở tháng trước đó nhưng vẫn cao hơn mức 2,9% theo dự báo. Bên cạnh đó, chỉ số giá sản xuất PPI toàn phần và PPI lõi tại Mỹ lần lượt tăng 0,3% và 0,5% m/m trong tháng 1 sau khi cùng giảm 0,1% ở tháng trước đó, mạnh hơn so với dự báo cùng tăng nhẹ 0,1%. So với cùng kỳ năm 2023, PPI toàn phần và PPI lõi tháng 1 lần lượt tăng 5,7% và 4,4% y/y. Tại thị trường bán lẻ, doanh số bán lẻ toàn phần và doanh số bán lẻ lõi tại Mỹ lần lượt giảm 0,8% và 0,6% m/m sau khi cùng tăng 0,4% ở tháng trước đó. So với cùng kỳ năm 2024, doanh số bán lẻ toàn phần tăng 0,7% y/y. Tại thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 10/02 ở mức 212 nghìn đơn, giảm xuống từ 220 nghìn đơn của tuần trước đó, đồng thời thấp hơn mức 219 nghìn đơn theo dự báo. Số đơn bình quân 4 tuần gần nhất ở mức 218,5 nghìn đơn, tăng 5,8 nghìn so với bình quân 4 tuần liền trước. Tiếp theo, sản lượng công nghiệp tại Mỹ giảm 0,1% m/m trong tháng 1 sau khi đi ngang (0,0% m/m) ở tháng trước đó, trái với dự báo tăng 0,2%. Cuối cùng, chỉ số niềm tin tiêu dùng tại Mỹ trong tháng 2 do Đại học Michigan khảo sát ở mức 79,6 điểm, tăng nhẹ so với mức 79 điểm của tháng 1 và gần khớp với mức 80 điểm theo dự báo. Trong tuần này, thị trường chờ đợi biên bản cuộc họp đầu năm 2024 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed, được công bố vào sáng sớm ngày 22/02 theo giờ Việt Nam.

Nước Anh cũng đón nhiều thông tin kinh tế quan trọng.

Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh ONS công bố GDP nước này giảm 0,1% m/m trong tháng 12 sau khi tăng 0,2% ở tháng trước đó, gần khớp với mức giảm 0,2% theo dự báo. GDP của Anh Q4/2023 cho thấy mức giảm 0,3% q/q sau khi giảm 0,1% ở quý trước đó, sâu hơn mức giảm 0,1% theo dự báo. Như vậy kinh tế Anh đang rơi vào suy thoái kỹ thuật khi suy yếu ở 2 quý liên tiếp, trong bối cảnh NHTW nước này áp dụng LSCS ở mức cao nhằm kiểm soát lạm phát. Về lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần và CPI lõi tại nước Anh lần lượt tăng 4,0% và 5,1% y/y trong tháng 1, cùng không thay đổi so với mức tăng của tháng trước đó, thấp hơn so với dự báo tăng 4,1% và 5,2%. Thống đốc NHTW Anh Andrew Bailey nhận định áp lực lạm phát đang có dấu hiệu hạ nhiệt hơn những gì BOE dự kiến. Mặc dù vậy, ông cũng khẳng định vẫn chưa có những dữ liệu đủ tin cậy để BOE có thể thay đổi quan điểm về CSTT trong cuộc họp tiếp theo. Cuối cùng, tại thị trường bán lẻ, doanh số bán lẻ toàn phần tại Anh tăng mạnh 3,4% m/m trong tháng 1 sau khi giảm 3,3% ở tháng trước đó, cao hơn mức tăng 1,5% theo kỳ vọng. So với cùng kỳ năm 2023, doanh số bán lẻ tại Anh tăng nhẹ 0,7% y/y, song vẫn thấp hơn khoảng 1,3% so thời kỳ trước đại dịch tháng 01/2020.

**Dow Jones
(Mỹ)**



38627.99
-0.11%

**DAX
(Đức)**



17117.44
1.13%

**Shanghai
(Trung Quốc)**



2865.90
1.28%

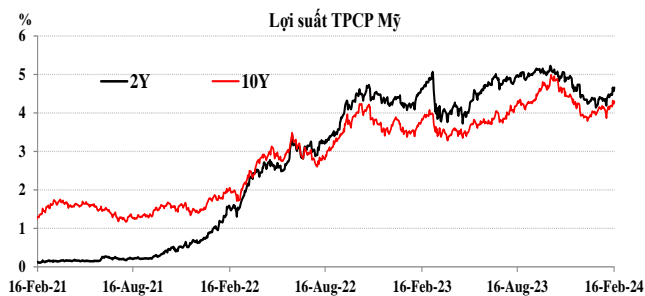
Chứng khoán thế giới phân hóa trong tuần qua. Kết thúc phiên 16/02, chỉ số công nghiệp Dow Jones giảm nhẹ 0,11% w/w, DAX tăng 1,13% và Shanghai phục hồi 1,28%. Thị trường chứng khoán Mỹ chấm dứt chuỗi 5 tuần tăng liên tiếp khi các thông tin liên quan đến lạm phát làm thị trường thay đổi kỳ vọng về thời điểm Fed bắt đầu cắt giảm LSCS. Mặc dù vậy, các phiên giữa tuần cũng ghi nhận sự phục hồi trở lại, cho thấy sự ổn định của thị trường lớn này trong quá trình đi lên trung hạn.

Giá vàng giảm, đóng cửa phiên ngày 16/02 ở mức 2.013,10 USD/oz, tương đương giảm 0,55% w/w. Kim loại quý này giảm trở lại sau tuần tăng giá trước đó khi chỉ số USD-Index tiếp tục tăng nhẹ và ổn định quanh vùng 104 điểm, theo sau những thay đổi về kỳ vọng LSCS của Fed.

Giá dầu tăng trong tuần qua. Kết thúc phiên ngày thứ Sáu, giá dầu WTI ở mức 79,19 USD/thùng, tương đương tăng 3,06% w/w. Giá mặt hàng này có tuần tăng thứ 2 liên tiếp khi căng thẳng tại Trung Đông làm lu mờ triển vọng nhu cầu yếu kém trong năm 2024. Mặc dù vậy, giá dầu được cho rằng sẽ chững đả tăng trong những ngày sắp tới khi IEA dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu thô toàn cầu sẽ chậm lại, xuống còn 1,2 triệu thùng/ngày trong năm 2024, thấp hơn so với mức 2,3 triệu thùng/ngày trong năm 2023. Nguồn cung được dự báo sẽ vượt nhu cầu, với sản lượng của OPEC tăng 1,7 triệu thùng/ngày, theo IEA.

	16 Feb 24	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2023 (%)
USD index	104.30	0.18%	2.92%	-2.11%
USD/CNY	7.19	0.00%	1.34%	2.91%
USD/EUR	0.93	0.07%	2.43%	-3.03%
USD/JPY	150.21	0.61%	6.49%	7.59%
USD/KRW	1331.29	0.09%	2.85%	2.66%
USD/SGD	1.35	-0.04%	2.02%	-1.55%
USD/TWD	31.35	-0.06%	2.18%	0.34%
USD/THB	35.99	0.28%	4.77%	-0.75%
USD/VND Trung tâm	23971	0.06%	0.44%	1.08%
USD/VND LNH	24520	0.49%	1.11%	2.99%
USD/VND tự do	25071	1.22%	1.33%	4.40%
Vàng	2013.10	-0.55%	-2.40%	13.06%
Dầu WTI	79.19	3.06%	10.52%	-10.73%

Lợi suất TPCP Mỹ



NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn